

## GIÁO DỤC TÔN GIÁO VÀ VAI TRÒ CỦA TÔN GIÁO TRONG LỊCH SỬ GIÁO DỤC VIỆT NAM

*Tóm tắt:* Mục tiêu cao nhất của giáo dục là hướng tới sự phát triển con người. Cùng với việc trao truyền tri thức, giáo dục theo nghĩa hẹp là giáo dục đạo đức, định hình các chuẩn mực, giá trị và lối ứng xử cho mỗi cá nhân trong xã hội, tức là hướng đến việc hình thành nhân cách con người. Tôn giáo là một trong các yếu tố góp phần giáo dục nhân cách bởi giáo lý mỗi tôn giáo đều có những nội dung răn dạy tín đồ tu dưỡng cách làm người và đối nhân xử thế. Trong bài viết này, tác giả không có chủ ý so sánh giáo dục nhân cách giữa giáo dục quốc dân và giáo dục của các tôn giáo để kêu gọi thiết lập nền giáo dục tôn giáo, mà bằng cách tiếp cận Sử học, tác giả khái quát sự đóng góp của tôn giáo trong lĩnh vực giáo dục ở Việt Nam từ thế kỷ XI tới nay nhằm cho thấy tôn giáo có thể là một nguồn lực tham gia vào sự nghiệp giáo dục ở Việt Nam hiện nay.

*Từ khóa:* Giáo dục, lịch sử, tôn giáo, vai trò, Việt Nam.

### Dẫn nhập

Đi tìm nguyên nhân của sự khủng hoảng giáo dục ở Việt Nam hiện nay, GS. Hoàng Tụy, người đã dành cả cuộc đời cho sự nghiệp trồng người, thẳng thắn nhận xét rằng “giáo dục đã dần dần mất phương hướng, không còn rõ giáo dục cho ai, vì ai, để làm gì”. Ông chỉ đích danh sự suy thoái đạo đức trong các trường học Việt Nam là “một thảm họa giáo dục” vì nhà trường không giúp mang lại cho sinh viên đức tính trung thực và khả năng sáng tạo (Hoàng Tụy, 2008). Nhiều chuyên gia giáo dục đồng ý với ông. Họ cho rằng Việt Nam đã “không có một triết lý giáo dục đúng đắn, coi trọng tinh thần nhân bản và lối sống công dân”, và do đó, “không

---

\*PGS.TS., Chủ nhiệm Bộ môn Tôn giáo học; Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

\*\* PGS.TS., Chủ nhiệm Bộ môn Nhân học Phát triển, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

thê là nền giáo dục vì con người, và sản phẩm của nó không thể là những con người có đạo đức (Lê Vinh Danh, 2014). Cũng có người cho rằng các trường học Việt Nam chưa quan tâm đầy đủ đến giáo dục nhân cách cho sinh viên, và đó là một thất bại của giáo dục, vì “nhân cách, xét ở một diện rộng, là nền tảng của mọi quốc gia, và giáo dục là môi trường để tạo nên nhân cách. Không có nhân cách, không có khoa học, nghệ thuật” (Nguyễn Xuân Sanh, 2014). Gần đây, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Phùng Xuân Nhạ cũng nhấn mạnh quan điểm này khi cho rằng mục tiêu của giáo dục không phải là bằng cấp mà là một quá trình lâu dài để phát triển con người, vì con người (VnExpress, 10/4/2016).

Trong bài viết này, chúng tôi xuất phát từ quan điểm cho rằng giáo lý các tôn giáo luôn chứa đựng những nội dung đạo đức, bao gồm giá trị, chuẩn mực, và lý tưởng xã hội. Tôn giáo mang lại một hệ thống giá trị cho cuộc sống, dù những giá trị ấy có thể bị loại bỏ hay được xem như những chuẩn mực làm cơ sở cho tinh thần và đạo đức của một xã hội nhất định. Trong bối cảnh xã hội Việt Nam, sự tham dự của các giá trị tôn giáo vào hệ thống giáo dục không chỉ giúp nâng cao giáo dục công dân mà sự truyền tải các giá trị và đạo đức tôn giáo đến thế hệ trẻ cũng sẽ giúp đa dạng hóa văn hóa.

Tiếp cận từ góc nhìn lịch sử, bài viết cho rằng trong lịch sử nhiều thế kỷ của giáo dục Việt Nam, tôn giáo có một vai trò đặc biệt quan trọng. Đặc điểm này được phát huy dưới thời thực dân nhưng đã dần dần bị phai nhạt. Sự tham dự trở lại của các tôn giáo với hệ thống giáo dục quốc gia là cần thiết, dù đó không phải là một phương tiện duy nhất để đưa giáo dục quốc dân Việt Nam ra khỏi khủng hoảng.

### **1. Tôn giáo trong hệ thống giáo dục truyền thống của Việt Nam**

Nhìn lại lịch sử, có thể dễ dàng nhận ra rằng tôn giáo từng đóng vai trò to lớn trong nền giáo dục truyền thống ở Việt Nam. Dưới triều Lý và triều Trần thế kỷ XI-XIV, Phật giáo từng đóng vai trò là tôn giáo chủ lưu. Chùa là trung tâm văn hóa và giáo dục của đất nước. Bản thân Lý Công Uẩn (974-1028), người sáng lập ra vương triều Lý, cũng từng được nhà sư Vạn Hạnh (938-1018) nuôi dưỡng và giáo dục trong chùa. Các nhà sư như Khuông Việt (933-1011), Pháp Loa (1284-1330), Huyền Quang (1254-1334) là những người có ảnh hưởng lớn trong triều đình, được vua quan tham vấn trước khi thực thi những công việc đại sự quốc gia. Năm 1076, Quốc Tử Giám được thành lập, trở thành một trong những trường

đại học sớm nhất ở Đông Nam Á. Tiếp đến, năm 1253, Quốc Học Viện được thành lập. Trần Thái Tông (1218-1227), Trần Nhân Tông (1258-1308) đều là những Phật hoàng danh tiếng. Trần Nhân Tông đã sáng lập ra Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử, làm cho Phật giáo Việt Nam có những bản sắc riêng, khác với Phật giáo nhiều nước trong khu vực, kể cả Trung Quốc. Đây cũng là thời kỳ xuất hiện các truyền thuyết về nguồn gốc “con rồng cháu tiên” của dân tộc và văn minh Việt, đan xen những yếu tố huyền sử và lịch sử cũng là nét chung của nhiều quốc gia Đông Á như Trung Quốc, Triều Tiên và Nhật Bản.

Từ thế kỷ XV, nền khoa cử Khổng giáo trở thành hiện thân của nền giáo dục Việt Nam thời kỳ tiền thuộc địa. Năm 1483, Lê Thánh Tông (1442-1497) cho mở rộng nhà Thái học, lập nhà Bí thư - được coi như là thư khố đầu tiên của Việt Nam. Năm 1734, Trịnh Tạc (1606-1682) cho khắc bản in để in sách, từ đây không còn hoàn toàn phụ thuộc vào việc mua sách từ Trung Hoa. Năm 1803, nhà Nguyễn lập Quốc học ở Huế. Cho tới kỳ thi cuối cùng năm 1919, nền khoa cử Khổng giáo đã đào tạo ra hàng trăm tiến sĩ. Một số nhà tư tưởng lớn như Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585), Nguyễn Trãi (1380-1442), Ngô Thì Nhậm (1746-1583), Lê Quý Đôn (1726-1784), Nguyễn Du (1766-1820), Phan Bội Châu (1867-1940), Phan Chu Trinh (1872-1926), v.v., đều là sản phẩm của nền giáo dục Khổng giáo, góp phần đưa Việt Nam trở thành một trong những dân tộc có nền văn hiến lâu đời ở Đông Nam Á. Lê Thánh Tông, Minh Mạng (1791-1841) là những vị vua có học thức cao, đồng thời cũng là những nhà tư tưởng lớn của dân tộc. “Minh Mạng có lẽ là người đầu tiên trong thế giới Đông Á cổ điển nhận ra rằng hệ thống thi cử truyền thống không thể trang bị cho xã hội Trung Hoa và Việt Nam trong việc đương đầu với các cường quốc quân sự châu Âu” (Woodside, 1988)<sup>1</sup>.

Rõ ràng, trong suốt cả ngàn năm lịch sử, nền giáo dục Việt Nam là nền giáo dục tôn giáo truyền thống, cụ thể là nền giáo dục Phật giáo và Khổng giáo. Đặc điểm của các trường học Khổng giáo truyền thống là: “Việc tổ chức trường lớp cho con em học tập ở các làng xã hoàn toàn do dân tự lo liệu. Ấy là những lớp dân lập của các ông đồ, tổ chức ở các nhà riêng. Số lượng các trường ấy rất nhiều. Một số trường có tiếng tăm, chủ yếu là do danh vọng của thầy hoặc thành tích của trò nhiều hơn là do trình độ tổ chức và nền nếp sinh hoạt của nó. Trường học ngày xưa gọi là trường, song thực ra chỉ là một lớp trong có nhiều trình độ, gồm nhiều thế hệ học sinh và chỉ có một thầy giáo dạy. Giờ giắc, nội dung, phương

pháp đều do thầy quyết định. Chế độ học tập ngày xưa hầu như chỉ dựa vào các khoa thi làm chuẩn đích. Không định thời gian học tập, không chia bộ môn” (Vũ Ngọc Khánh, 1985)<sup>2</sup>.

Bên cạnh đó, Khổng giáo xây dựng một lối ứng xử “tôn sư trọng đạo”. Học trò không phải đóng học phí hàng tháng hay học kỳ. Nhưng thay vào đó, mỗi năm, học trò đóng góp cho thầy, người được coi như người cha tinh thần, một khoản biếu thầy vào các dịp Tết, lễ tùy theo tình hình tài chính của gia đình. Học trò thành đạt, hàng năm vẫn thường có quà cho thầy để tưởng nhớ công ơn. Khi tứ thân phụ mẫu của thầy qua đời, học trò phải đóng tiền đồng môn để phúng điếu. Trường hợp thầy chết, tất cả những học trò đang học và các cựu học trò đều phải để tang. “Học trò dù nghèo đến đâu cũng cố gắng vay chạy để đóng món tiền đồng môn cho anh trưởng tràng để lo lễ phúng điếu. Truyền thống và đạo lý xã hội sẽ không tha thứ cho những ai trốn tránh đóng số tiền này (...). Học phí thời xưa tuy nhẹ, nhưng tình thầy trò đậm đà, gắn bó mà học trò phải đóng những món tiền bất thường, nên xét cho cùng hóa ra rất nặng nề dày ân nghĩa.” (Nguyễn Q. Thắng, 2005)<sup>3</sup>.

Có thể về phương diện tôn giáo học, Khổng giáo không phải là một tôn giáo theo đúng nghĩa của từ này, nhưng điều đó không làm thay đổi bản chất của nền Nho học mang đậm tính tôn giáo. Nội dung và chương trình giáo dục chỉ truyền dạy những kinh sách của Khổng Tử, các học trò của ông cũng như các nhà Nho sau này như Tứ thư, Ngũ kinh, chủ yếu là giáo dục luân lý và đạo đức. Nền giáo dục Khổng giáo không có mục đích nâng cao dân trí, mở mang kiến thức khoa học cho người học, tiến tới xây dựng tầng lớp trí thức có tư duy độc lập và sáng tạo như ở Phương Tây. Mục đích của giáo dục Khổng giáo tập trung chủ yếu vào việc đào tạo bộ máy quan lại, học để ra làm quan, nhưng chương trình học không trang bị cho người ta những kiến thức về pháp luật hay về bộ máy hành chính, cơ cấu tổ chức chính quyền, nên về cơ bản nền giáo dục Việt Nam tiền thuộc địa ở cả các trường công do nhà nước quản lý và trường tư vẫn là nền giáo dục tôn giáo truyền thống của Việt Nam. Khác với tầng lớp trí thức ở Phương Tây có nhu cầu tự do tư tưởng, phát kiến khoa học, tầng lớp sĩ phu Nho học luôn phải coi trung quân như là khí tiết quan trọng nhất của một nhà Nho. Trong điều kiện nhà nước quân chủ lấy Khổng giáo làm nền tảng tư tưởng, gắn kết thể quyền và thần quyền, toàn bộ bộ máy quan lại được xây dựng dựa trên học thuyết đạo đức-chính trị của Khổng giáo, có một thực tế không thể phủ nhận rằng,

nền giáo dục truyền thống của Việt Nam mang đậm tính tôn giáo, hay có thể nói, về bản chất là một nền giáo dục tôn giáo.

## 2. Tôn giáo trong hệ thống giáo dục Việt Nam thời thuộc địa

Nền giáo dục truyền thống mang đậm tính tôn giáo Việt Nam, cũng như ở châu Âu thời trung cổ, là ít chú trọng phát triển khoa học. Xã hội Khổng giáo chủ yếu dựa trên nền sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp. Một nền sản xuất tự cấp tự túc không có nhu cầu phát triển khoa học. Nó cũng giải thích tại sao khoa học lại không phát triển ở Việt Nam và nhiều nước Đông Nam Á thời kỳ tiền thuộc địa. Tới thế kỷ XIX trước những thách thức của thời đại, nền giáo dục đó ngày càng trở thành bất cập, không giúp các quốc gia này hiện đại hóa và chống lại sự đe dọa từ Phương Tây.

Cùng với việc chính quyền thuộc địa chủ trương xây dựng nhà nước thế tục, tách biệt nhà nước với các tổ chức tôn giáo, nền giáo dục Việt Nam hiện đại được khởi đầu từ thời kỳ thuộc địa từ những thập niên cuối thế kỷ XIX với việc du nhập các tư tưởng Phương Tây, kèm theo đó là văn hóa và khoa học Tây phương. Khác với nền giáo dục truyền thống, trong đó nổi trội vai trò của nền giáo dục Khổng giáo, trong nền giáo dục hiện đại dưới thời thuộc địa nổi lên vai trò của các giáo hội Kitô giáo, nhất là Công giáo, vốn được truyền bá vào Việt Nam từ thế kỷ XVI. Dù trải qua không ít thăng trầm với nhiều lần bị cấm đoán, từ năm 1862 mới được chính thức tự do truyền giáo, nhưng đóng góp của cộng đồng Kitô hữu đối với nền giáo dục và khai phóng Việt Nam không hề nhỏ. Năm 1862, *Gia định báo*, tờ báo đầu tiên được phát hành ở Việt Nam với chủ bút là một trí thức Công giáo danh tiếng Paulus Huỳnh Tịnh Của. Năm 1865, Giáo hội Công giáo thành lập nhà in Tân Định ở Sài Gòn, phục vụ cho việc in sách. Năm 1904, nhà in Quy Nhơn được Giáo hội thành lập. Năm 1908, tuần báo *Nam Kỳ địa phận* là tờ báo Công giáo đầu tiên ở Việt Nam được ấn hành. Đầu thế kỷ XX, có thể nói Việt Nam đã có ngành báo chí, trong đó phải kể tới dấu ấn của Giáo hội Công giáo với hàng chục tờ báo, tạp chí khác nhau cũng như đội ngũ trí thức và nhà báo tên tuổi người Công giáo.

Trước hết, ở bậc giáo dục phổ thông cho thấy đóng góp không nhỏ của hệ thống các trường tôn giáo. Thời thuộc địa tồn tại hai loại trường. Thứ nhất, đó là các trường do Giáo hội Công giáo sáng lập, trực thuộc Giáo hội Công giáo, hoặc do các trí thức Công giáo điều hành, quản lý. Đa phần các trường này là các trường tư hoặc bán công. Ngay sau khi Pháp chiếm

Saigon, theo sáng kiến của Giám mục Puginier, năm 1861, Đô đốc (Admiral) Charmer thành lập Collège d'Adran, do Thừa sai Croc và Linh mục Thu phụ trách. Trường thuộc dòng Écoles Chrestiennes, có mục đích đào tạo những thông dịch cho đội quân viễn chinh Pháp và những thư ký làm việc trong các cơ quan hành chính của chính quyền thuộc địa. Toàn bộ nguồn tài chính hoạt động của trường cũng như những người theo học tại trường đều được chính quyền thuộc địa Nam Kỳ chu cấp tài chính. Đây là trường học đầu tiên đào tạo người Pháp nói tiếng Việt. “Đó là một trường Pháp (une école française) do chính phủ Pháp đài thọ, nhưng là sáng kiến của một thừa sai. Ở đó, hiện có trên 100 học viên trẻ người bản xứ, được học tiếng Pháp và sẽ chiếm những vị trí quan trọng giữa các đồng bào của họ. Họ được nuôi dưỡng và giáo dục dưới con mắt từ mẫu của đạo thánh: chúng ta có quyền chờ đợi là những thanh niên này sẽ là trợ tá cho chúng ta tùy theo khả năng của chúng, cho công việc truyền giảng Tin Mừng” (Lefebvre 1861, archives)<sup>4</sup>. Từ chỗ ban đầu là một trường tiểu học Pháp-Việt, Collège d'Adran, ít lâu sau phát triển thành một trường thông ngôn.

Năm 1873, chính quyền thuộc địa cho thành lập Trường tập sự (Collège des Stagiaires) do nhà trí thức công giáo nổi tiếng Petrus Trương Vĩnh Ký phụ trách. Những trường học đầu tiên của nền giáo dục Pháp-Việt, nhất là những trường được thành lập ở Nam Kỳ những thập niên cuối của thế kỷ XIX đều do Giáo hội Công giáo thành lập và quản lý. Tại các trường này, ngôn ngữ chính thức là tiếng Pháp và chữ quốc ngữ thay cho các trường học truyền thống sử dụng chữ Hán.

Nói đến vai trò Công giáo trong giáo dục phải kể tới *Collège d' Taberd*, mang tên vị Giám mục Jean Louis Taberd (1794-1840), tác giả cuốn *Dictionarium Annamitico-Latinum* đồng thời cũng là tác giả An Nam Đại quốc họa đồ (trong đó cũng đã xác định Hoàng Sa của Việt Nam). Trường do Linh mục Henri de Kerlan thành lập năm 1874, là trường trung học Công giáo đầu tiên ở Nam Kỳ. Ban đầu cũng chỉ nhằm giáo dục những trẻ em người Pháp. Đến năm 1889 thì do các sư huynh dòng Freres des Ecoles Chrestiennes (tiếng Anh: Institute of the Brothers of the Christian Schools, tên Latinh: Fratres Scholarum Christianarum) trông nom và giảng dạy. Sau năm 1954, phát triển thành một mạng lưới ở nhiều tỉnh Miền Nam Việt Nam. Về sau, Trường do hội Missions Etrangères de Paris đảm trách. Đây là trường tư thục nhưng cũng được sự ủng hộ của chính quyền thuộc địa, với một khuôn viên rộng 6.300 m<sup>2</sup> ở vị trí ngay nhà thờ chính tòa Sài Gòn. Cai quản trường này là Linh mục

Joubert. Chính phủ thuộc địa cũng cấp học bổng cho những người học ở trường này.

Năm 1896, Quốc học Huế (tiền thân của Viện Đại học Huế sau này) được thành lập do Toàn quyền Đông Dương A. Rousseau ký cho phép thành lập. Hiệu trưởng là Phụ chính đại thần Ngô Đình Khả, một vị đại thần Công giáo nổi tiếng (thân sinh Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Ngô Đình Diệm). Năm 1925, Toàn quyền Đông Dương thành lập *Collège Cochinchine* ở Sài Gòn mang tên Petrus Trương Vĩnh Ký, một trí thức lớn người Công giáo, tác giả nhiều công trình về ngữ văn và văn hóa dân tộc. Học sinh tốt nghiệp trường này nhận bằng Tú tài, có thể thi vào Đại học Đông Dương hoặc các đại học ở Pháp. Ban đầu trường này thuộc *Missions Etrangères de Paris* đảm trách, về sau chuyển sang cho dòng tu *La Salle*. Những người theo học trường này bao gồm cả người Công giáo và ngoài Công giáo. Tới đầu thế kỷ XX, trường đào tạo cả bậc tiểu học và trung học. Học sinh tốt nghiệp nhận bằng Tú tài.

Trong số các trường Công giáo, còn phải kể tới *Collège d'Pellerin* ở Huế (mang tên vị Giám mục có công trong việc thuyết phục chính quyền Pháp xâm lược Việt Nam, vì vậy cũng là nhân vật lịch sử gây nhiều tranh cãi ở Việt Nam). Trường có chương trình đào tạo tới bậc Tú tài do các dòng tu điều hành, có cả bậc tiểu học, cao đẳng tiểu học và trung học. Bên cạnh đó là mạng lưới các trường xứ (*école paroissiales*) ở các giáo xứ, địa phương bao gồm các trường tư thục và cả trường có đăng ký với nhà nước đào tạo giáo lý nhưng cũng dạy cả văn hóa ở các cấp sơ học và tiểu học. Tuy phần lớn chỉ có chương trình dạy ở bậc sơ lược, một số ít trường dạy tới bậc tiểu học, hơn nữa, không phải giáo xứ nào cũng có điều kiện thành lập những trường này, nhưng chúng có vai trò to lớn trong việc xóa nạn mù chữ cho con em cả người Công giáo và người ngoài Công giáo, không phân biệt nam nữ trong bối cảnh nạn mù chữ phổ biến trong xã hội. Đội ngũ giáo viên ở các trường này là các chủng sinh đang theo học ở các Đại chủng viện. Ngoài giáo lý dành cho con em người Công giáo, ở các trường này người ta dạy học sinh tập đọc, tập viết, toán sơ cấp, và chữ Hán.

**Bảng 1. Số trường và học sinh ở các xứ đạo dưới thời thực dân**

Năm	Số giáo xứ	Số trường	Số học sinh
1885	37	83	4.008
1891	38	127	5.336

1897	19	117	5.346
1902	19	155	7.913
1910	19	135	6.461
1911	19	146	6.967
1914	19	129	7.551
1916	19	123	7.459
1918	19	129	7.643
1919	19	135	8.113

Nguồn: Archives MEP, vol. 756, No. 724, vol. 759 No 382, vol. 759 No. 439, vol. 757 No. 96, vol. 757 No. 83, vol. 757 No 206, vol. 757 No 222, vol. 757 No 246, vol. 757 No. 263. Dẫn theo: Trương Bá Cần (2008), *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, tập 2, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 352.

Các trường học do chính quyền thuộc địa thành lập thuộc hệ thống quản lý của nhà nước thế tục. Các trường này đóng vai trò chủ đạo trong nền giáo dục hiện đại của Việt Nam cả thời thuộc địa và hậu thuộc địa. Nói tới các trường lớn đầu tiên của chính quyền thuộc địa không thể không kể tới Trường trung học *Collège Chasseloup Laubat* được thành lập ở Sài Gòn mang tên Bộ trưởng Bộ Hải ngoại (Bộ Thuộc địa) Pháp có chương trình giảng dạy từ bậc tiểu học tới trung học, lấy bằng Tú tài.

Một trong những khởi thảo của nền giáo dục thuộc địa do Toàn quyền Paul Bert (1833-1886) khởi xướng. Nền giáo dục này, một mặt, tiếp nối nền giáo dục Khổng giáo truyền thống của người Việt, mặt khác, dần dần đưa kiến thức khoa học của Tây phương vào.

Toàn quyền Paul Bert lập ra Ban Thanh tra giáo dục Pháp-Việt (*Inspection de l'Enseignement Franco-Annamite*) và Viện Hàn lâm Bắc Kỳ (Académie Tonkinoise) do chính ông là Chủ tịch với mục đích chính là nghiên cứu, thu thập các di sản văn hóa bản địa để “Giới thiệu kiến thức khoa học hiện đại và tiến bộ của nền văn minh, giới thiệu cuộc sống của người châu Âu bằng cách dịch ra và xuất bản sách này bằng tiếng An Nam”<sup>5</sup>.

Tuy các vị Toàn quyền Đông Dương sau này mỗi người có cách thực hành riêng, nhưng về cơ bản, họ đều chủ trương xây dựng một nền giáo dục thế tục, nhưng vẫn luôn có sự hợp tác nhất định với các tổ chức tôn giáo.

“Chúng ta phải hết sức thận trọng để không phá vỡ tâm thức của người bản xứ vốn là cơ sở đạo đức cho sự tồn tại của họ. Những nguyên tắc mà họ vẫn lưu giữ trong gia đình như tôn kính bố mẹ, tuân thủ luật lệ cộng đồng cần phải được đưa vào sách để dạy cho người bản xứ. Khi họ đọc những chữ đầu tiên, họ đã học những nguyên tắc cơ bản của Khổng giáo. Nếu chúng ta xóa bỏ những thứ này thì chúng ta sẽ thay thế bằng cái gì?” (Dumoutier, 1900)<sup>6</sup>.

Trong quá trình thực thi, một số nhà lãnh đạo cũng như đội ngũ giảng viên có ý muốn áp đặt nền giáo dục Châu Âu thay cho giáo dục truyền thống. Tới những năm 1930, chính quyền thuộc địa buộc phải giao việc giáo dục tiểu học cho triều đình Huế, tức chính quyền bảo hộ của An Nam. Le Breton, Hiệu trưởng Trường Quốc học và Sư phạm Huế vẫn phải thừa nhận rằng sai lầm ở chỗ áp đặt phương pháp của người Pháp cho tính cách của người An Nam. Do vậy, chính quyền Hoàng đế Bảo Đại ra Chi dụ nhấn mạnh “Sắp đặt việc giáo dục của quốc dân theo nền vững bền đối gia đình, giáo dục với luân lý đời xưa” (Nam Phong, 1932)<sup>7</sup>. Như vậy, có thể thấy người Pháp và chính quyền Bảo Đại rất chú trọng giáo dục đạo đức, nhất là đạo đức Khổng giáo trong hệ thống giáo dục chứ không bỏ đi và thay vào đó bằng kiểu giáo dục Châu Âu.

Với hệ thống các trường tôn giáo và trường của nhà nước, trường tư thục và trường công, có thể xem thời kỳ thuộc địa là sự mở đầu cho thời kỳ hoàng kim của nền giáo dục Việt Nam hiện đại. Một trong những chỉ số đáng lưu ý là khác với xã hội Việt Nam truyền thống, chưa bao giờ trong lịch sử Việt Nam có số lượng người học đông đảo như vậy. Nền giáo dục Khổng giáo truyền thống giờ đây dần dần được thay thế bằng nền giáo dục hiện đại. Con số các trường và học sinh tăng nhanh. Vào thời điểm năm 1939, Việt Nam có 287.037 học sinh từ tiểu học, trung học phổ thông cho tới cao đẳng và dạy nghề, trong khi số dân khi đó là 20 triệu, tức tỷ lệ người đi học đạt 1,44% (Gouvernement de l’Indochine Rapport 1920)<sup>8</sup>. Thành phần sinh viên các cấp chủ yếu là người bản xứ, có một bộ phận là con em các công chức Pháp phục vụ cho chính quyền thuộc địa.

Phân bố theo vùng miền, vào thời điểm năm 1944 ở Bắc Kỳ có 6.880 trường Pháp - Việt, trong đó 6.367 trường công. Trong số này, có 35 trường dành riêng cho người Pháp, cả trường công và trường tư thục (Trần Thị Phương Hoa, 2012)<sup>9</sup>. Đương nhiên, số lượng các trường tập

trung vào các thành phố lớn như Hà Nội, Sài Gòn và một số thành phố khác, nhưng nó cũng phần nào giảm sự mất cân đối so với tình trạng thời tiền thuộc địa vốn chủ yếu tập trung ở kinh thành Thăng Long và Huế. Cũng cần lưu ý rằng “Khác với các trường học Nho giáo được tổ chức khá tự do, các trường Pháp-Việt được quản lý tập trung theo một chương trình thống nhất trên toàn Đông Dương. Điều này giúp cho việc thống nhất về ngôn ngữ và chương trình trên khắp các vùng ở Việt Nam. Đặc biệt, một điểm nữa khác với các nhà trường Khổng giáo, trong nền giáo dục Pháp-Việt, phụ nữ Việt Nam được chính thức chấp nhận vào trường học, được công nhận ngang bằng với nam giới. Trường học không chỉ dạy kiến thức, mà còn hướng học sinh tới những vấn đề thiết thực của cuộc sống, đi học không chỉ để thi làm quan mà còn có thể làm rất nhiều nghề nghiệp khác nhau, như công nhân kỹ thuật, thương mại, nhân viên, bác sĩ, luật sư” (Trần Thị Phương Hoa, 2012)<sup>10</sup>.

Từ những năm 1930 cho tới trước Chiến tranh Thế giới thứ Hai, số trường và học sinh các bậc phổ thông vẫn không ngừng tăng.

**Bảng 3. Số lượng các trường học và học sinh năm học 1936-1937**

Loại trường	Số trường	Học sinh (HS)
Tiểu học kiêm bị	401	121.201
Trường Sơ đẳng	2.322	155.938
Trường Hương học	2.530	123.609
Tổng cộng	5.223	400.748

Nguồn: *Annuaire statistique de l'Indochine* 1930-1940, tr. 16.

Ở bậc cao đẳng và đại học, đóng góp của các trường tôn giáo trong lĩnh vực giáo dục đại học thời thuộc địa và hậu thuộc địa có phần khiêm tốn hơn và chỉ thể hiện vai trò ở Miền Nam Việt Nam trong giai đoạn Việt Nam bị chia cắt sau Hiệp định Geneva năm 1954. Trong số các trường công, duy chỉ có Viện Đại học Huế được thành lập năm 1957 từ Sắc lệnh số 45/GĐ của Ngô Đình Diệm là trường của Công giáo do Linh mục Cao Văn Luận làm Hiệu trưởng. Viện Đại học Huế bao gồm nhiều đại học trực thuộc như: 1) Đại học Văn khoa đào tạo cử nhân Việt văn, Anh văn, Pháp văn, triết học, sử học, địa lý và cao học Việt-Hán; 2) Đại học Luật khoa đào tạo cử nhân luật; 3) Đại học Khoa học đào tạo cử nhân toán, vật lý, hóa học, vạn vật học; 4) Đại học Sư phạm đào tạo giáo sư trung học cấp I và cấp II; 5) Đại học Y khoa đào tạo bác sĩ y khoa. Ngoài ra, còn phải kể tới Viện Giáo hoàng Pio X ở Đà Lạt trực tiếp do Giáo hội quản lý tuy chú trọng tới việc đào tạo thần học cho các tu sinh, nhưng

trong chương trình có cả một số môn khoa học xã hội và nhân văn. Các trường đại học tôn giáo còn lại đa phần là các trường tư như Đại học Đà Lạt của Công giáo, Đại học Vạn Hạnh và Đại học Minh Đức của Phật giáo. Bên cạnh đó, còn phải kể tới Đại học Cao Đài và Đại học Hòa Hảo tuy có ít sinh viên và trình độ cũng thấp so với các trường công.

Trong khi đó, ở bậc đại học thể hiện sự vượt trội của hệ thống các trường công của nhà nước. Trong số các trường đại học được thành lập thời kỳ thuộc địa phải kể tới Đại học Y khoa Hà Nội (*École de Médecine de Hanoi*) được thành lập năm 1902 trực thuộc Phủ Toàn quyền Đông Dương. Năm 1906, Đại học Đông Dương có quyết định thành lập với các lớp ban đầu chia làm 3 ban: Văn học, Luật và Khoa học với một chương trình khá đồ sộ về các khóa học và ngành học. Nhưng do công tác chuẩn bị chưa chín muồi, phải mất cả chục năm sau thì các khóa học ấy mới được bắt đầu. Năm 1932, Cao đẳng luật, rồi 1939 Cao đẳng Khoa học được thành lập. Năm 1941, đổi tên 3 Trường Cao đẳng thành ba trường đại học là Đại học Luật, Đại học Mỹ thuật Đông Dương, Đại học Khoa học.

Trong lĩnh vực giáo dục, mối quan hệ giữa chính quyền thuộc địa và Giáo hội Công giáo và các tổ chức tôn giáo nói chung, khá phức tạp, phụ thuộc vào mối quan hệ này ở chính quốc. Thực ra, ngay từ sau Cách mạng Tư sản Pháp 1789 đã xuất hiện xu hướng bài Giáo hội trong hệ thống giáo dục quốc gia. Ở Đông Dương, có giai đoạn chính quyền thuộc địa cũng không cho phép các tu sĩ giảng dạy trong các trường học công của nhà nước. Nhiều trường Công giáo ban đầu nhận được trợ cấp tài chính của chính quyền, nhưng cũng không ít giai đoạn bị cắt và Giáo hội phải tự lo liệu lấy các nguồn tài chính. Năm 1905, Luật Phân ly 1905 được ban hành ở Pháp. Dù vậy, chính quyền thuộc địa và Giáo hội Công giáo sau nhiều tranh luận, quyết định không áp dụng Luật này ở Đông Dương. Trong bối cảnh đó, giữa chính quyền thuộc địa và Giáo hội Công giáo vừa có sự tách biệt, theo đó chính quyền thuộc địa tôn trọng quyền tự chủ của Giáo hội, nhưng mặt khác, hai phía vẫn có sự hợp tác nhất định trong lĩnh vực giáo dục. Điều này thể hiện rõ khi trong các trường tôn giáo ở cả bậc phổ thông và đại học, người học bao gồm cả người Công giáo và ngoài Công giáo. Chương trình học không chỉ có các giáo lý, thần học, mà cả nhiều ngành khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn.

Phải thừa nhận một thực tế rằng nền giáo dục Việt Nam thời thuộc địa chịu ảnh hưởng lớn của giáo dục kiểu Pháp, từ việc bộ máy hành chính

của trường, cơ cấu tổ chức, nội dung giáo dục và phương pháp giáo dục. Những trí thức Việt Nam có tinh thần dân tộc hẳn không hoàn toàn hài lòng với cái *civilisateur, trice* của người Pháp. Dầu vậy, chính quyền thuộc địa đã khởi thảo nền giáo dục hiện đại tại thuộc địa, trong đó các trường Phật giáo và Công giáo là một bộ phận của nền giáo dục quốc dân, có đóng góp một phần không nhỏ đối với nền giáo dục Việt Nam thời kỳ thuộc địa không chỉ về mặt huy động tài chính, nguồn nhân lực mà cả trong việc xây dựng nội dung, chương trình giáo dục khuyến thiện và đặc biệt là các chuẩn mực, giá trị đạo đức của công dân.

### **3. Tái hội nhập của tôn giáo vào hệ thống giáo dục quốc dân**

Những phân tích trên cho thấy trước 1954 ở Miền Bắc và trước năm 1975 ở Miền Nam, ngoài các nhà trẻ, mẫu giáo, có đến cả ngàn trường Công giáo đủ mọi cấp, từ tiểu học cho đến trung học phổ thông và một số ít các trường đại học, học viện. Đào tạo ở các trường này về nhiều lĩnh vực, phục vụ cho nhiều đối tượng như trường y, trường dạy nghề, trường dành cho người khiếm thị khiếm thính, trường miễn phí dành cho học sinh, sinh viên nghèo. Học sinh theo học tại các trường này thuộc đủ mọi thành phần, hầu như không phân biệt tôn giáo, cả người Kitô hữu và ngoài Công giáo. Sau năm 1954, mạng lưới các trường Công giáo ở Miền Bắc bị đóng cửa, nhà nước trung dụng, nhưng ở Miền Nam thì mạng lưới các trường tôn giáo vẫn đóng góp đáng kể cho hệ thống giáo dục. Vào thời điểm 1962-1963, ngoài 48 bệnh viện, 58 cô nhi viện, các cơ sở bác ái, từ thiện, Giáo hội Công giáo có 93 trường trung học với 60 ngàn học sinh, 1.122 trường tiểu học với gần 235 ngàn học sinh. Tính đến năm 1975, tất cả chừng 2.000 cơ sở giáo dục của Công giáo trên toàn Việt Nam, từ mẫu giáo cho tới đại học, bị đóng cửa. Trong đó có một số trường đại học Công giáo như Đại học Đà Lạt, Đại học Sài Gòn và Học viện Giáo hoàng Pio X<sup>11</sup>.

Phân tích vị trí của Công giáo trong giáo dục Việt Nam hiện đại cho thấy, trước hết, các trường tôn giáo, chủ yếu là Công giáo (số trường thuộc các hệ phái Tin Lành cũng như Phật giáo ít hơn và đóng góp cho giáo dục quốc dân cũng khiêm tốn hơn nhiều) gồm các trường bán công và trường tư thực là một bộ phận trong nền giáo dục cả bậc phổ thông và đại học của chính quyền thuộc địa cũng như chính quyền Sài Gòn trước năm 1975. Thị phần các trường này không nhỏ trong so sánh với số lượng các trường công của nhà nước nếu lưu ý rằng người Kitô hữu chỉ chiếm chưa đầy 10% dân số Việt Nam.

Ảnh hưởng của Giáo hội Công giáo, hay nói rộng hơn, tầng lớp trí thức Công giáo đối với nền giáo dục Việt Nam và xã hội Việt Nam còn lớn hơn nhiều. Giáo hội Công giáo đóng góp một phần đáng kể trong việc xây dựng tầng lớp trí thức mới Pháp-Việt tiếp thu nền giáo dục Châu Âu, cụ thể là Pháp, đưa giáo dục Việt Nam phát triển theo hướng hiện đại, sánh ngang với những nước phát triển nhất trong khu vực thời bấy giờ. Trước hết, phải kể tới đóng góp của một số các thừa sai Châu Âu dòng Tên (Jesuits) và Hội Thừa sai Pari giai đoạn tiền thuộc địa như Christophe Borri, Alexandre de Rhodes, Fransesco de Pina, Jean Louis Taberd, v.v., tạo ra chữ quốc ngữ, có những công trình về lịch sử và văn hóa Việt Nam, giới thiệu Việt Nam với nước ngoài. Tiếp đến, một loạt các ngành khoa học xã hội như triết học, tôn giáo học, dân tộc học, văn hóa học, v.v., đều đã được khởi thủy từ thời thuộc địa, trong đó phải kể tới những tên tuổi trí thức Công giáo như Nguyễn Trường Tộ, điển hình cho trào lưu cải cách trong lịch sử tư tưởng Việt Nam cuối thế kỷ XIX, Petrus Trương Vĩnh Ký, nhà bác học có công lớn trong việc phát triển văn học và chữ quốc ngữ, Paulus Huỳnh Tịnh Của, một trí thức, một nhà báo khởi đầu cho nền báo chí Việt Nam. Bước sang thế kỷ XX phải kể tới Linh mục Leopold Cadière (1869-1955), người sáng lập ra tạp chí xuất bản bằng tiếng Pháp *Những người bạn của cố đô Huế* (*Bulletin des amis du vieux Hué*, BAVH) xuất bản hàng quý từ năm 1914. Ông là giáo sư Đại Chủng viện Kim Long ở Huế, người khởi đầu cho ngành tôn giáo học ở Việt Nam. Trong lĩnh vực triết học phải kể tới các linh mục, trí thức Công giáo Trần Thái Đình, Lê Tôn Nghiêm, Lương Kim Định ở Sài Gòn giai đoạn trước 1975.

Cùng với những đóng góp xây dựng nền giáo dục hiện đại, Công giáo đã góp phần đáng kể trong việc thay đổi nhãn quan về giáo dục: Giáo dục giờ đây không còn là công việc của riêng của một bộ phận, tầng lớp xã hội nào (chẳng hạn như của riêng nam giới). Điều tra thấy rõ trong nền giáo dục truyền thống, mà là nền giáo dục đại chúng, là nhu cầu và công việc của toàn xã hội không phân biệt nghề nghiệp, lứa tuổi, giới tính, tộc người, tôn giáo, vùng miền, v.v..

Vị trí và vai trò của Công giáo đối với lịch sử và xã hội Việt Nam từ thời cận đại đến nay lớn hơn nhiều so với tỷ lệ số dân của tôn giáo này trong tổng dân số Việt Nam. Đó là một thực tế không thể phủ nhận. Tuy nhiên, từ sau năm 1954 ở Miền Bắc và sau năm 1975 ở Miền Nam, những đóng góp về giáo dục của Công giáo gần như bị bãi bỏ. Các cơ sở vật chất

như tòa giám mục, nhà thờ, nhà xứ phần lớn đã đổ nát hay xuống cấp (...) Các cơ sở giáo dục và các cơ sở xã hội-từ thiện, cũng bị phá bỏ hoặc không còn do Giáo hội Công giáo quản lý” (Trương Bá Cần, 2008)<sup>12</sup>. Giáo dục tôn giáo và sự tham dự của Công giáo vào hệ thống giáo dục quốc dân không còn.

Tuy nhiên, từ sau khi giành được độc lập năm 1945, nền giáo dục quốc dân của Việt Nam dần dần được định hướng phát triển đối lập với nền giáo dục thuộc địa, theo hướng vô thần cực đoan. Chưa bao giờ trong lịch sử Việt Nam, nhà nước chủ trương thi hành chính sách đối kháng với tôn giáo như từ sau năm 1945 trở đi. Toàn bộ các trường học phổ thông các cấp cũng như đại học của Giáo hội Công giáo cũng như của các tổ chức tôn giáo khác đều bị quốc hữu hóa, đặt trực tiếp dưới sự quản lý của Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp (nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Những bất cập, khủng hoảng của hệ thống giáo dục ở Việt Nam dần dần bộc lộ rõ từ hơn hai thập niên gần đây trước những thách thức của bối cảnh hội nhập quốc tế. Trong khi nhà nước chủ trương xã hội hóa giáo dục, khuyến khích các tổ chức và cá nhân tham gia vào sự nghiệp giáo dục, mở lớp, mở trường, thì vẫn hạn chế đối với các tổ chức tôn giáo. Cả khi nhà nước Việt Nam từ sau năm 1990 thi hành chính sách cởi mở hơn đối với các tôn giáo thì những thay đổi trong nhãn quan về giáo dục vẫn dè dặt. Các tôn giáo chỉ được phép mở các trường mầm non và mẫu giáo. *Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo* (2004) đã có một bước tiến mới khi “khuyến khích và tạo điều kiện để tổ chức tôn giáo hỗ trợ phát triển các hình thức mở trường lớp, nhà trẻ, mẫu giáo, tham gia nuôi dạy trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; hỗ trợ cơ sở chăm sóc sức khỏe người nghèo, người tàn tật, người nhiễm HIV/AIDS, bệnh nhân phong, tâm thần; hỗ trợ phát triển các cơ sở giáo dục mầm non và tham gia các hoạt động khác vì mục đích từ thiện nhân đạo phù hợp với hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo và quy định của pháp luật” (Quốc hội, 2004. Điều 33. 1)<sup>13</sup>.

Tuy nhiên, việc thực thi Pháp lệnh này bị trói buộc bởi một văn bản khác là *Luật Giáo dục*, trong đó quy định:

“Không truyền bá tôn giáo trong nhà trường, cơ sở giáo dục khác. Không truyền bá tôn giáo, tiến hành các nghi thức tôn giáo trong nhà trường, cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân, của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân” (Luật Giáo dục, 2005: Điều 19)<sup>14</sup>.

Ngoài việc Luật Giáo dục cấm truyền bá tôn giáo trong hệ thống giáo dục quốc dân thì từ lâu, trước khi luật trên được ban hành, những kiến thức thường thức về tôn giáo, hoặc liên quan gián tiếp tới tôn giáo, tín ngưỡng cũng không được dạy ở các nhà trường Việt Nam. Các cấp chính quyền hình như đánh đồng giữa việc giảng dạy các kiến thức thường thức về tôn giáo trong nhà trường với việc truyền đạo. Từ chỗ là một trong những quốc gia có nền văn hiến và giáo dục phát triển nhất trong khu vực vào thời điểm trước năm 1945, nay không rõ nền giáo dục Việt Nam nằm ở vị trí nào trên bản đồ giáo dục Châu Á. Vấn đề không chỉ nằm ở chỗ Việt Nam chưa có trường đại học nào nằm trong top 200 của Châu Á, trong những bất cập của chương trình đào tạo, chất lượng thấp của giáo dục, số lượng ít các công bố quốc tế, v.v., mà còn ở nạn bạo lực học đường, bế tắc về chính sách, khủng hoảng đạo đức và văn hóa-xã hội.

Có nhiên, không nên quy toàn bộ nguyên nhân của khủng hoảng giáo dục ở Việt Nam hiện tại vào sự phủ nhận hoàn toàn vai trò của tôn giáo một cách cực đoan, nhưng rõ ràng đây là một trong những nguyên nhân sâu sa khiến giáo dục Việt Nam không thu hút được đông đảo nguồn lực xã hội, trong đó phải kể tới đội ngũ trí thức có trình độ cao ở cả trong nước và hải ngoại. Trong số 4 triệu người Việt Nam ở nước ngoài, có gần một triệu người Công giáo. Nhiều người trong số họ là những giáo sư, những nhà khoa học có tên tuổi, công tác ở những trường đại học tiên tiến ở Châu Âu và Bắc Mỹ. Bên cạnh đó cũng phải kể tới đội ngũ các trí thức Phật giáo, Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hảo ở hải ngoại hoàn toàn có thể nhiệt tâm, không thiếu tinh thần dân tộc, sẵn sàng đóng vai trò là cầu nối Việt Nam và các nền giáo dục phát triển nhất thế giới nếu nhà nước Việt Nam biết cách thu phục họ. Đáng tiếc, khi nhà nước chủ trương xã hội hóa giáo dục, cho phép tư nhân, thậm chí người nước ngoài có quyền mở trường tư thục, nhưng các tôn giáo vẫn đang phải “đứng bên lề sự nghiệp giáo dục của xã hội Việt Nam” trong suốt 40 năm qua.

“Nhưng cũng đáng tiếc là đối với các tổ chức tôn giáo tại Việt Nam, cánh cửa giáo dục vẫn còn khép chặt: tôn giáo chỉ có quyền mở trường tư thục cấp mẫu giáo. Dù vẫn không ngừng nỗ lực làm tất cả những gì được phép để thể hiện sứ mệnh nhập thế, như mở lớp tình thương, lập quỹ học bổng cho học sinh nghèo hoặc khuyết tật, Giáo Hội Công giáo, với tư cách là tổ chức tôn giáo, đành phải đứng bên lề sự nghiệp giáo dục của xã hội Việt Nam và, vì không có quyền nhập cuộc, đành đóng vai một quan sát viên bất đắc dĩ” (Hội đồng Giám mục, 2007)<sup>15</sup>.

Mặc dù vậy, những tín hiệu lạc quan mới cũng đã bắt đầu le lói. Các tổ chức tôn giáo đã được phép đảm trách giáo dục mầm non và mẫu giáo, dù cho vẫn còn quá khiêm tốn. Tính đến tháng 10/2014, đã có 269 trường mầm non, 905 nhóm, lớp mầm non do các tổ chức, cá nhân tôn giáo thành lập. Những trường, lớp mầm non này đón nhận 125.594 trẻ, chiếm hơn 3% tổng số các trẻ đến trường mầm non đến trường mẫu giáo trên cả nước. Đa số các trường mầm non trên do các nữ tu Công giáo mở. Một vài trường mầm non ở Huế do Phật giáo, ở Long An và Kiên Giang do Phật giáo Hòa Hảo mở. Tại các trường trên, 1/3 trẻ em là người Công giáo, 2/3 còn lại là con em ngoài Công giáo. Rất có thể, trước áp lực của các tôn giáo và nhu cầu của xã hội đối với lĩnh vực giáo dục, chính quyền sẽ dần chấp nhận vai trò của các tổ chức tôn giáo.

Vào đầu những năm 2000, Học viện Phật giáo Việt Nam được Chính phủ hỗ trợ kinh phí xây dựng lại và năm 2006 đã đi vào đào tạo bậc đại học với 281 người tham gia (Giáo hội Phật giáo Hà Nội, 2015). Tại Thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Phật giáo cũng được xây dựng lại to đẹp hơn trước và từ 2015 đã tiếp nhận 1.117 tăng, ni sinh hệ đại học chính quy và 1.286 người theo học hệ đào tạo từ xa (Giáo hội Phật giáo Tp. Hồ Chí Minh, 2015).

Cùng với các học viện Phật giáo đào tạo tăng ni ở bậc đại học, từ sau những năm 2000 đến nay, ở nhiều thành phố lớn trong cả nước xuất hiện một phong trào mới có tên gọi “lên chùa học đạo” do những người trẻ phát động và được giới sinh viên hưởng ứng tích cực. Tại một ngôi chùa nổi tiếng của quận Hoàng Mai, Hà Nội, vào những ngày cuối tuần có khoảng 300 thanh niên đến nghe các nhà sư giảng về đạo Phật. Nhà chùa đưa tinh thần nhập thế của Phật giáo vào các bài giảng để thu hút sự quan tâm của thanh niên sinh viên, giúp họ giảm bớt căng thẳng và áp lực cuộc sống và hướng họ đến một cuộc sống tự lập, có lý tưởng và hoài bão vươn lên. Mỗi năm nhà chùa lại có một chủ đề tu tập để thuyết giảng cho sinh viên. Các chủ đề “tìm lại chính mình”, hay “khoảng lặng cuộc sống” được sinh viên đánh giá rất cao vì nó giúp họ hiểu ra vai trò của quan niệm chân, thiện, mỹ trong cuộc sống. Ngoài việc nghe thuyết giảng cuối tuần, nhà chùa cũng mở khóa tu cho trẻ em ở bậc học phổ thông. Các bậc cha mẹ dường như ý thức rất rõ vai trò của Phật giáo trong việc giáo dục đạo đức và hình thành nhân cách sống cho trẻ em. Họ dẫn con em đến chùa để mong được các nhà sư chỉ giáo.

Tại chùa Tây Thiên trên núi Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, hằng năm nhà chùa tổ chức một Khóa tu Mùa hè kéo dài trong 5 ngày. Tại đây, hàng ngàn người trẻ có thể đăng ký để tham dự khóa tu để “tìm lại bản thân” và tìm hiểu những con đường khác nhau dẫn đến hạnh phúc trần thế. Những khóa tu mùa hè, cũng giống như sự tiếp nối những mạch nguồn của cuộc sống, đã giúp cho giới trẻ thay đổi nhận thức, tránh xa những cám dỗ của cuộc sống không lý tưởng và ước mơ.

Mới đây nhất, năm 2015, Chính phủ Việt Nam đã cho phép Giáo hội Công giáo mở lại Học viện Công giáo đặt dưới sự quản lý của Hội đồng Giám mục Việt Nam, chịu sự quản lý trực tiếp và thường xuyên của Ủy ban Giáo dục Công giáo. Học viện này đặt ở Tp. Hồ Chí Minh và Giám mục Joseph Đinh Đức Đạo, Chủ tịch Ủy ban Giáo dục của Hội đồng Giám mục Việt Nam, được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng đầu tiên của Học viện. Nhiệm vụ của học viện là đào tạo trình độ trí thức cấp cao cho linh mục, tu sĩ và giáo dân về thần học và các ngành liên quan đến đời sống và sinh hoạt của giáo hội. Học viện đào tạo các bậc học cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ về thần học và được phép mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế để tổ chức các đề tài nghiên cứu khoa học phục vụ công tác đào tạo. Tháng 7 năm 2016, Trường Đại học Công giáo này sẽ chiêu sinh năm học đầu tiên 2016-2017 (VietCatholic, 2016).

#### **4. Bàn luận và kết luận**

Từ khoảng năm 1990 trở lại đây, nhà nước Việt Nam đã thực thi một chính sách cởi mở hơn đối với các tôn giáo, nhưng các nhà làm chính sách vẫn chưa hình dung được một cách rõ ràng cách ứng xử với tôn giáo như thế nào trong mô hình nhà nước thế tục bởi với họ, tôn giáo vẫn là một đối tượng quản lý chứ không phải là một phần của xã hội dân sự.

Nhìn lại lịch sử, tôn giáo từng đóng vai trò trụ cột của nền giáo dục truyền thống ở Việt Nam. Chính các trường học Phật giáo, Công giáo và giáo dục tôn giáo dưới thời thực dân đã góp phần tạo nên những tinh hoa trí thức cho đất nước và một lối sống “hào hoa phong nhã” có đạo đức, hoài bão và lý tưởng cho lớp trẻ. Trong nền giáo dục hiện đại, nhà nước có xu hướng nhấn mạnh vào việc đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học, nâng cao dân trí, phục vụ cho nhu cầu công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Tuy nhiên, ngay chính trong xã hội mà các hoạt động tôn giáo bị “bên lề hóa” thì các giá trị, chuẩn mực và đạo đức của các tôn giáo vẫn đóng một vai trò không nhỏ.

Đối với nhiều quốc gia trên thế giới thì giáo dục tôn giáo (*religious education*) là môn học bắt buộc (*compulsory subject*). Chẳng hạn, ở hầu hết các quốc gia Tây Bắc Âu, giáo dục tôn giáo là môn học bắt buộc ở tất cả các cấp học. Các nghiên cứu về hệ thống giáo dục mẫu giáo ở Nhật Bản cũng cho thấy khoảng 80% trẻ em lứa tuổi từ 18 tháng đến trước 6 tuổi được nuôi dạy trong các cơ sở mẫu giáo gắn liền với Phật giáo hoặc Kitô giáo, mặc dù các cơ sở giáo dục được tài trợ bởi các tôn giáo này không hoàn toàn chịu ảnh hưởng về niềm tin tôn giáo. Tuy nhiên, các quan sát trực tiếp các vườn trẻ tổ chức theo hai mô hình Kitô giáo và Phật giáo cho thấy có những khác biệt trong cách dạy và học. Các trường mẫu giáo theo mô hình Kitô giáo, tự do cá nhân của trẻ em được tôn trọng và trẻ em được tạo điều kiện phát triển nhân cách tự do, và vui chơi của trẻ em là hoạt động chủ đạo, được tôn trọng. Giáo viên ít can thiệp vào hoạt động của trẻ. Ngược lại, ở mô hình trường tổ chức theo Phật giáo, trẻ em lại được giáo dục từ rất sớm khả năng nhận biết hoàn cảnh khó khăn của cuộc sống và biết cách ứng xử để cùng mọi người thoát ra khỏi hoàn cảnh ấy. Triết lý giáo dục là nhấn mạnh đến tình thương và lòng từ bi, không chỉ giữa người với người mà còn giữa con người với mọi sinh vật và cả cây cỏ nữa. Ngoài ra, nhà trường còn chú trọng cho trẻ em tập rèn luyện thân thể như những hoạt động chính của trường để các em có thể trở thành những con người mạnh mẽ và rộng lượng theo hình mẫu Phật giáo (Trần Hữu Thiên, 2015).

Dẫn ra vài ví dụ nói trên để thấy rằng giáo dục tôn giáo là một đặc điểm phổ quát ở nhiều hệ thống giáo dục quốc dân, và các triết lý sống, đạo đức và chuẩn mực tôn giáo đã thấm đượm vào tâm hồn trẻ thơ từ rất sớm, góp phần tạo nên nhân cách của con người khi trưởng thành. Những kiến thức đạo đức, quan điểm và văn hóa ứng xử trẻ em học được sẽ được chúng vận dụng vào cuộc sống, và từ đó, tạo ra ảnh hưởng tới xã hội và mọi người xung quanh. Lối nghĩ và cách ứng xử của trẻ em được hình thành thông qua sự tham gia vào những thực hành trao đổi qua lại với nhau. Chúng giải thích và tạo lập các chuẩn mực để ứng xử trong những tình huống khác nhau dựa trên kinh nghiệm và cách nghĩ chúng học được. Nếu chúng ta cho rằng mục tiêu cao nhất của giáo dục là nhằm vào con người, lấy con người làm trung tâm, là vì sự phát triển con người (Phùng Xuân Nhạ, 2016) thì cách giáo dục đạo đức, các chuẩn mực, giá trị và lối ứng xử có ý nghĩa đặc biệt. Nếu một hệ thống giáo dục không coi trọng điều đó, nếu chỉ tập trung vào trao truyền tri thức, giáo dục đó

sẽ thất bại. Tuy nhiên, cần phải nhấn mạnh rằng giáo dục tôn giáo không có gì mâu thuẫn với vai trò của nhà nước thế tục, ngược lại, nó không chỉ mang các giá trị tốt đẹp của tôn giáo vào công tác đào tạo thế hệ tương lai mà còn góp phần huy động được nguồn lực to lớn từ các tôn giáo tham gia vào công tác giáo dục.

Cuối cùng, chúng tôi không kêu gọi một nền giáo dục tôn giáo mà ngược lại, khẳng định tầm quan trọng của việc xây dựng mô hình nhà nước thế tục. Tuy nhiên, sự trở lại của tôn giáo trong lĩnh vực giáo dục có một ý nghĩa quan trọng góp phần xã hội hóa giáo dục, sử dụng được nguồn lực của tôn giáo và giá trị đạo đức tốt đẹp của tôn giáo vào giáo dục là một đòi hỏi cấp thiết hiện nay. Sự tham gia của tôn giáo vào giáo dục không chỉ giúp đa dạng hóa các nguồn lực văn hóa, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các văn hóa và niềm tin tôn giáo mà còn giúp tận dụng được sự tham gia của xã hội vào sự nghiệp giáo dục, giảm thiểu những nguy cơ gây xung đột giữa các tôn giáo và giữa tôn giáo với nhà nước./.

---

#### CHÚ THÍCH:

- 1 Alexandre B. Woodside (1988), *Vietnam and the Chinese Model - A Comparative Study of Vietnamese and Chinese Governments in the First Half of the Nineteenth Century*, Harvard University, Cambridge, Massachusetts and London: 224-225.
- 2 Vũ Ngọc Khánh (1985), *Tìm hiểu nền giáo dục Việt Nam trước 1945*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội: 71-72.
- 3 Nguyễn Q. Thắng (2005), *Khoa cử & Giáo dục Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh: 69.
- 4 *Thư của Giám mục Lefèbvre*, Archive MEP, vol. 758, p. 417.
- 5 *Création d'une Aca dé mie Tonkinoise par Paul Bert*, 3/7/1886. In: Les Débuts de l' Enseignement Français au Tonkin pà Dumoutier, 1887. Trong: Dumoutier, M. G (1900), *Rapport du Directeur de l' Enseignement sur l' Enseignement Français en Annam et au Tonkin en 1900, L' Enseignement Franco-Annamite - A Exposition Universelle de 1900 par Dumoutier*, Imprimerie Typo-Lithographique Schneider, Hanoi. Appendix.
- 6 Situation de l'Indo-chine (1897-1901) (1902), *Rapport par M. Paul Doumer*, Gouverneur-Général, Hanoi, F. H. Schneider, 1902, T'oung Pao, Second Series, Vol. 3, No. 2, tr. 130. Dẫn theo: Trần Thị Phương Hoa (2012), *Giáo dục Pháp-Việt ở Bắc Kỳ (1884-1945)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 55.
- 7 Đạo chỉ dụ thứ nhất của Đức Bảo Đại, số 176 tháng 9 năm 1932, tr. 305-328. Dẫn theo: Trần Thị Phương Hoa (2012), *Giáo dục Pháp-Việt ở Bắc Kỳ (1884-1945)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 191.
- 8 Gouvernement de l'Indochine, *Rapports, deuxi è me partie*, tableau V, 1920... 1940, p. 23.
- 9 Trần Thị Phương Hoa (2012), *Giáo dục Pháp-Việt ở Bắc Kỳ (1884-1945)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 211.
- 10 Trần Thị Phương Hoa (2012), *Giáo dục Pháp-Việt ở Bắc Kỳ (1884-1945)*, Sđd, 245.

- 11 Theo sách *Niên giám Công giáo Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2004, thì vào năm 1969, Giáo hội Công giáo ở Miền Nam Việt Nam đã sở hữu 226 trường trung học, 1.030 trường tiểu học, cô nhi viện, 48 bệnh viện, 35 viện dưỡng lão, 8 trại phong cùi và 159 phòng phát thuốc. Sau năm 1975, Giáo phận Sài Gòn có 400 cơ sở bị trưng dụng, 95 cơ sở thuộc Tổng Giáo phận Hà Nội bị chiếm dụng.
- 12 Trương Bá Cần (chủ biên, 2008), *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, tập 2, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 165.
- 13 Quốc hội CHXHCN Việt Nam (2004), *Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo*, Hà Nội. Website: <http://www.noivucnam.gov.vn/Default.aspx?tabid=350&ni=166&language=en-US>
- 14 *Luật Giáo dục nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2005*.
- 15 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2007), *Thư chung về giáo dục Kitô giáo*. <http://hdgmvietnam.org/thu-chung-2007>

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Andersen, Peter B. and Carin Laudrup, “Religious Education as a Tool for Enhancing Diversity”, in: Sporre, Karin and Gudrun Svedberg (eds.) (2010), *Changing Societies - Values, Religions, and Education*, Working Papers in Teacher Education, N<sup>o</sup>. 7 (2010), pp. 7-18.
2. Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Luật Giáo dục năm 2005*.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), Nghị quyết 25/NQ-TW ngày 12/3/2003 *Về công tác tôn giáo trong tình hình mới*, trong Ban Tôn giáo Chính phủ, “Tôn trọng tự do tín ngưỡng tôn giáo, chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta”, <http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/240/0/1080>
4. Hoàng Tuy (2008), *Nhìn thẳng vào khủng hoảng giáo dục Việt Nam*, . <http://www.tuanvietnam.net/gs-hoang-tuy-nhin-thang-va-0-khung-hoang-giao-duc-vn>, truy cập ngày 07/6/2008.
5. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2007), *Thư chung về giáo dục Kitô giáo*. <http://hdgmvietnam.org/thu-chung-2007>
6. Holloway, Susan D. (1999), “The Role of Religious Beliefs in Early Childhood Education: Christian and Buddhism Preschool in Japan”, *Early Childhood Research and Practice*, Volume 1, Number 2; 1999.
7. Lê Vinh Danh (2014), “Khủng hoảng giáo dục là do không có triết lý giáo dục”, *Lao Động cuối tuần*, thứ Năm, 17/4/2014. <http://www.chungta.com/nd/tu-lieu-tra-cuu/khung-hoang-giao-duc-do-khong-co-triet-ly-giao-duc.html>
8. Lưu Trọng Lư (1939), “Một nền văn chương Việt Nam”, *Tao Đàn*, số 2, ngày 16/3/1939.
9. Nguyễn Q. Thắng (2005), *Khoa cử & Giáo dục Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh.
10. Nguyễn Xuân Sanh (2014), “Giáo dục nhân cách”, *Tia Sáng*, 12/12/2014.
11. Phùng Xuân Nhạ (2016), “Mục tiêu của giáo dục không phải là bằng cấp”. VnExpress Phong vấn với tân Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo ngày 10 tháng 4 năm 2016. <http://vnexpress.net/tin-tuc/giao-duc/bo-truong-phung-xuan-nha-muc-tieu-cua-giao-duc-khong-phai-la-bang-cap-3384392.html>
12. Quốc hội CHXHCN Việt Nam, *Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo*, Hà Nội, 2004. <http://www.noivucnam.gov.vn/Default.aspx?tabid=350&ni>
13. Vũ Ngọc Khánh (1985), *Tìm hiểu nền giáo dục Việt Nam trước 1945*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
14. *Thư của Giám mục Lefèbvre*, Archives MEP, Vol. 758.

15. Trần Thị Phương Hoa (2012), *Giáo dục Pháp - Việt ở Bắc Kỳ (1884-1945)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
16. Trần Hữu Thiên (2015), “Niềm tin tôn giáo và giáo dục mẫu giáo”, *Văn hóa Phật giáo*, số 186.
17. Trương Bá Cần (chủ biên, 2008), *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, tập 2, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
18. *Học sinh xé để cương môn sử: “Khuôn méo sao đức bát tròn”* (Students tore the history reading materials into pieces and threw away) [>](http://vietbao.vn/Giao-duc/Hoc-sinh-xe-de-cuong-mon-su-Khuon-meo-sao-duc-bat-tron/2131625312/202/); truy cập ngày 15/4/ 2013.
19. Phòng văn Đức Cha Giuse Đình Đức Đạo về Học viện Công giáo Việt Nam. <http://dcvxuanloc.net/ban-tin/giao-hoi-viet-nam/phong-van-duc-cha-giuse-dinh-duc-dao-ve-hoc-vien-cong-giao-viet-nam.html>
20. *13.820 thí sinh bị điểm 1 môn lịch sử* (13,820 examinees received 1mark and below), <http://vnexpress.net/tin-tuc/xa-hoi/13-820-thi-sinh-bi-diem-1-mon-lich-su-1990440.html>, truy cập ngày 20/8/2013.
21. Woodside, Alexandre B. (1988), *Vietnam and the Chinese Model, a Comparative Study of Vietnamese and Chinese governments in the first half of the Nineteenth Century*, Harvard University, Cambridge, Massachusetts and London.
22. Sefton, Malin (2010), “Police students’s talk about the relevance of religion in policing - Teaching and learning about diversity at the Swedish National Police Academy”, in: Sporre, Karin and Gudrun Svedberg (eds.), (2010), *Changing Societies - Values, Religions, and Education*, Working Papers in Teacher Education, N<sup>o</sup>. 7 (2010), pp. 63-70.

### Abstract

#### EDUCATION OF RELIGION AND ROLE OF RELIGION IN THE VIETNAM EDUCATIONAL HISTORY

The goal of education aims at human development. Along with the transmission of knowledge, education in the strict sense connotes moral education, shaping the norms, values and behaviours for each individual in society, towards the development of personality. Religion is one of the factors contributing to personal education because every religious dogma teaches believers how to cultivate and to behave. In this article, the author does not intend to compare the ethical education of national education with religious education to call for an education of religion; however, by the historical approach, the author generalizes the religion’s contribution in the domain of education in Vietnam from the 11<sup>th</sup> century to the present in order to indicate that religion can be a source of the contemporary education in Vietnam.

**Keywords:** Education, history, religion, role, Vietnam.